

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Mẫu số: 02/LPTB
(Ban hành kèm theo
Thông tư số 28/
2011/TT-BTC ngày
28/02/2011 của Bộ Tài
chính)

TỜ KHAI LỆ PHÍ TRƯỚC BẠ

(Áp dụng đối với tài sản là máy bay, ô tô, xe máy, tàu, thuyền, súng săn, súng thể thao)

[01] Kỳ tính thuế: Theo từng lần phát sinh

[02] Lần đầu

[03] Bổ sung lần thứ

A. PHẦN NGƯỜI NỘP THUẾ TỰ KÊ KHAI:

[04] Tên người nộp thuế (Chủ sở hữu, sử dụng tài sản):

[05] Mã số thuế (nếu có):

[06] Địa chỉ:

[07] Quận/huyện:

[08] Tỉnh/thành phố:

[09] Điện thoại:

[10] Fax:

[11] Email:

[12] Đại lý thuế (nếu có) :

[13] Mã số thuế:

[14] Địa chỉ:

[15] Quận/huyện:

[16] Tỉnh/Thành phố:

[17] Điện thoại:

[18] Fax:

[19] Email:

[20] Hợp đồng đại lý thuế, số:

ngày

I- ĐẶC ĐIỂM TÀI SẢN:

1. Loại tài sản (ô tô, xe máy, tàu thuyền...):

2. Tên hiệu tài sản:

3. Nước sản xuất:

4. Năm sản xuất:

5. Dung tích xi lanh:

6. Trọng tải (hoặc công suất):

7. Số chỗ ngồi, kê cả chỗ người lái (đối với phương tiện chở khách):

8. Chất lượng tài sản:

9. Số máy:

10. Số khung:

11. Biên kiểm soát:

12. Số đăng ký:

13. Trị giá tài sản (đồng):

(Viết bằng chữ:

)

II- NGUỒN GỐC TÀI SẢN:

1. Tổ chức, cá nhân giao tài sản:

2. Địa chỉ:

3. Thời điểm làm giấy tờ chuyển dịch tài sản:

III. TÀI SẢN THUỘC DIỆN KHÔNG PHẢI NỘP HOẶC MIỄN LỆ PHÍ TRƯỚC BẠ (lý do):

IV. GIẤY TỜ CÓ LIÊN QUAN, GỒM:

Tôi cam đoan số liệu khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về số liệu đã khai./

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ

Họ và tên:

Chứng chỉ hành nghề số

Ngày..... tháng..... năm.....

**NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc
ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ**
Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu (nếu có)

B/ THÔNG BÁO NỘP LỆ PHÍ TRƯỚC BẠ (dành cho cơ quan thuế):

1. Trị giá tài sản tính lệ phí trước bạ (đồng):

(Viết bằng chữ:

2. Số tiền lệ phí trước bạ phải nộp (đồng): Bằng trị giá tài sản tính LPTB nhân (x) mức thu LPTB (%). Mức thu LPTB được quy định chi tiết cho từng loại tài sản (máy bay, tàu thuyền, ô tô, xe máy các loại)

(Viết bằng chữ:

Nộp theo chương tiêu mục

3. Địa điểm nộp:

4. Thời hạn nộp tiền chậm nhất là 30 ngày kể từ ngày người nộp thuế nhận được thông báo này

Quá thời hạn nêu trên mà chủ tài sản chưa nộp vào ngân sách nhà nước thì mỗi ngày chậm nộp bị chịu phạt 0.05% số tiền chậm nộp /ngày.

5. Không thu lệ phí trước bạ (nếu có): Chủ tài sản thuộc đối tượng không phải nộp lệ phí trước bạ theo quy định tại điểm..... khoản..... Điều 3 Nghị định số ... ngày ... của Chính phủ:

6. Miễn nộp lệ phí trước bạ (nếu có): Chủ tài sản thuộc đối tượng được miễn nộp lệ phí trước bạ theo quy định tại điểm..... khoản..... Điều Nghị định số ... ngày ... của Chính phủ:

CÁN BỘ KIỂM TRA TÍNH LỆ PHÍ TRƯỚC BẠ

(Ký tên, ghi rõ họ tên)

....., ngày..... tháng..... năm

**THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN THUẾ RA
THÔNG BÁO**

(Ký, ghi rõ họ, tên, đóng dấu)

.....

**NGƯỜI NHẬN THÔNG BÁO
NỘP LỆ PHÍ TRƯỚC BẠ**

Ngày tháng năm 201.....

Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu (nếu có)

.....

C/ PHẦN XỬ LÝ PHẠT CHẬM NỘP LỆ PHÍ TRƯỚC BẠ (dành cho cơ quan thu tiền):

1. Số ngày chậm nộp lệ phí trước bạ:

2. Số tiền phạt chậm nộp lệ phí trước bạ (đồng):

(Viết bằng chữ:

.....

....., ngày tháng năm 201.....

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN THU TIỀN

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

.....